TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐST
Ngày 24- 4- 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Linh và bà Đỗ Thị Ái Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Th, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Thanh Th đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 02 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với mẹ chồng tại Thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong. Năm 2011 vợ chồng vào làm việc tại tỉnh Bình Dương. Từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông Th không lo lắng cho gia đình, mỗi lần ông Th đi nhậu về lại kiếm cớ gây gỗ bà L khiến bà L cảm thấy căng thẳng. Nhiều lần bà L khuyên bảo thì vợ chồng lại to tiếng cãi vả nhau. Tháng 10 năm 2016, sau khi vợ chồng cãi vả thì ông Th bỏ về quê sống với mẹ đẻ của mình tại thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong và không quay vào nữa, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Cuối năm 2017 đến nay, bà L cũng về quê sống tại thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong nhưng hai vợ chồng không sống chung với nhau. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài mà không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có, hai bên không thật sự thương yêu tôn trọng lẫn nhau. Với những lý do trên bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ

hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Lê Thanh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là các cháu: Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 và cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012. Hiện tại, các cháu đều do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007, giao cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012 cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/03/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thanh Th trình bày: Ông Th đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị L đã trình bày về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì trong quá trình chung sống từ khi kết hôn cho đến đầu năm 2016, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường. Ông Th thừa nhận, thỉnh thoảng ông Th có tụ tập bạn bè để nhậu, bà L không đồng ý nên vợ chồng gây gỗ, cải vả nhau, từ đó vợ chồng sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2016, sau khi vợ chồng cãi nhau, bà L không trở về nhà nên ông Th bỏ về quê sống cùng mẹ đẻ của mình tại thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Cuối năm 2017, bà L trở về quê, ông Th đã xin lỗi nhiều lần nhưng bà L vẫn không cho ông Th cơ hội. Ông Th vẫn còn thương yêu bà L và mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là các cháu: Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 và cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012. Do vợ chồng sống ly thân nên các cháu đều do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn ông Th đồng ý với ý kiến của bà L là giao cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012 cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Lê Thanh X ngày 22/3/2018, cháu X có nguyện vọng được sống cùng bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án như sau:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Riêng đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Thanh Th; áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung: Giao cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 cho là L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012 cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; bà L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mở vào ngày 12/4/2018, nhưng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 24/4/2018 xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, có mặt đầy đủ những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Thanh Th là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 02 tháng 3 năm 2007 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau nên nhiều lần to tiếng, cãi vả nhau. Tháng 10 năm 2016, ông Th bỏ về quê sống với mẹ đẻ của mình tại thôn Quy Hà, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tại phiên tòa, ông Lê Thanh Th thừa nhận vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vả nhau trong thời gian dài, khi quá nóng giận, ông Th có đánh đỗ các vật dụng trong nhà. Ông Th mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái, Tuy nhiên, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến khi bà L gửi đơn ly hôn đến Tòa án, ông Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thậm chí cuối năm 2017, bà L trở về quê sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, bà L và ông Th vẫn mỗi người sống mỗi nơi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ về tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Th và lời trình bày của bà L, ông Th tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai người đã sống ly thân thời gian khá dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 và cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012. Tại phiên tòa, bà L và ông Th đều thỏa thuận: Giao cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 cho là L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012 cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận của bà L và ông Th phù hợp với ý kiến của cháu Lê Thanh X có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị L, phù hợp với kết quả xác minh tại Hội phụ nữ xã Triệu Độ đối con chưa thành niên và phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông Th đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ Hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Thanh Th.

Căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung:

Giao cháu Lê Thanh X, sinh ngày 16/12/2007 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh R, sinh ngày 28/01/2012 cho ông Lê Thanh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004275 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong *(Bà Nguyễn Thị Len đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm)*.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị**;**
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.